

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội
quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội
về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ
quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành
phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy
ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân
xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 110/TTr-STP ngày 27
tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Sở Tư pháp) là cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh
quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; theo dõi tình
hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm
pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch, quốc tịch, nuôi con

nuôi; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và thừa phát lại; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; pháp chế; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; công tác tư pháp khác và dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

2. Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

3. Có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thực hiện theo quy định tại mục 2, Chương I Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở Tư pháp, gồm: Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp, gồm:

a) Văn phòng;

b) Phòng Xây dựng, kiểm tra và Theo dõi thi hành pháp luật;

c) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, gồm:

a) Phòng Công chứng số 1;

b) Phòng Công chứng số 2;

c) Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;

d) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm, tình hình, yêu cầu quản lý về công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

5. Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Văn phòng Sở Tư pháp; trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định.

Thực hiện quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Biên chế

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của công tác tư pháp ở địa phương, Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí biên chế cho Sở Tư pháp, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, bảo đảm số lượng cấp phó và các công chức chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm viên chức và người lao động, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

3. Việc tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức của Sở Tư pháp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Giám đốc Sở Tư pháp là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Giám đốc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, theo đề nghị của Giám đốc Sở; giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi Giám đốc Sở Tư pháp vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp là người trực tiếp phụ trách điều hành hoạt động của phòng, đơn vị; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Sở và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của phòng, đơn vị được phân công phụ trách.

4. Phó Trưởng phòng, Phó Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp là người giúp việc cho Trưởng phòng, Thủ trưởng đơn vị; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Thủ trưởng đơn vị và trước pháp luật về nhiệm vụ, công việc được phân công phụ trách.

Điều 6. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật

1. Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Tư pháp quy định.

2. Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, do Giám đốc Sở quyết định theo phân cấp quản lý công chức, viên chức hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định việc điều động, biệt phái công chức, viên chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý công chức, viên chức hiện hành.

Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Mối quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Bộ Tư pháp

1. Mối quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Bộ Tư pháp là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Tư pháp; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 (năm) năm và hàng năm do Bộ Tư pháp đề ra; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất, kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Tư pháp mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh, chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Sở Tư pháp giữ mối liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động tư pháp trên địa bàn tỉnh, đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Mỗi quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh

1. Mỗi quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Tư pháp. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Mỗi quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Ủy ban nhân dân các xã, phường

Mối quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của ngành Tư pháp.

Điều 11. Mỗi quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường

Mối quan hệ công tác giữa Sở Tư pháp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025. Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau; Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (nay là Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau) và Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu bãi bỏ một phần của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Các quy định về phân định thẩm quyền và phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời, gửi đến Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 13;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (L, MĐ01). D.M15/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Hữu Trí